TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/DS-ST
Ngày 08-10-2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phùng Văn Chất

Ông Nguyễn Văn Hiếu

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Cao Thắng- Thư ký Toà án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2018/TLST- DS, ngày 04 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2018/QĐST-DS ngày 21 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng V; địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà R, Số 9 đường Đ, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Ngô Văn Ph; cư trú tại: Số 16A/119 khu T, phường Đ, quận H, Hải Phòng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 80/UQ-VH.18 ngày 13/6/2018 và Giấy ủy quyền số 2020/UQTA-VH.18 ngày 20/6/2018); có mặt.

- *Bị đơ*n: Bà Phạm Thị H; cư trú tại: Tổ dân phố V, phường C, quận H, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/6/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 30/12/2015, bà Phạm Thị H ký Hợp đồng tín dụng số 20160106-151019-5663 với Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng V (sau đây viết là Công ty), nội dung như sau:

Số tiền vay 42.200.000đồng; mục đích vay tiêu dùng;

Thời hạn vay 36 tháng tính từ ngày 11/01/2016;

Lãi suất vay 35%/năm;

Phương thức vay: Cho vay trả góp; hàng tháng bà H phải trả góp số tiền gốc và lãi là 1.909.000đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty đã thực hiện đúng hợp đồng, giải ngân cho bà H số tiền vay. Tuy nhiên, tính đến ngày 03/8/2016 bà H chỉ trả được cho Công ty tổng số tiền 11.454.000đồng. Trong đó, nợ gốc đã trả là 4.377.488đồng, lãi đã trả là 7.076.512đồng. Từ ngày 03/8/2016 đến nay, bà H đã vi phạm hợp đồng, không tiếp tục trả nợ cho Công ty. Tính đến ngày 18/6/2018, bà H còn nợ Công ty tổng số tiền là 55.836.087 đồng, trong đó: Nợ gốc 37.822.512đồng, nợ lãi 18.013.575đồng. Nay Công ty yêu cầu bà H phải trả cho Công ty tổng số tiền là 55.836.087 đồng và khoản tiền lãi phát sinh kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm đến ngày bà H trả toàn bộ khoản nợ cho Công ty theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng. Công ty không yêu cầu bà H phải trả khoản tiền lãi tính từ ngày 19/6/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 08/10/2018.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn, nhưng bị đơn vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên có ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, cụ thể vắng mặt tại tất các các lần Tòa án triệu tập.

Quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân quận Hải An nhận định:

- Về tố tụng:

[2] Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Ngày 30/12/2015, bà Phạm Thị H ký Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20160106-151019-5663 (sau đây viết là Hợp đồng) với Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng V, với số tiền vay là 42.200.000đồng, mục đích vay tiêu dùng.

[4] Xét tính hợp pháp của Hợp đồng: Ngày 02/01/2007, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số 02/CP-NHNN cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên tài chính T (sau này chuyển đổi thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng V). Theo nội dung Giấy phép, Công ty được hoạt động tín dụng: Cho vay tiêu dùng dưới hình thức cho vay mua trả góp. Như vậy, Công ty được ký hợp đồng tín dụng với bà H theo quy định tại Điều 108 Luật Các tổ chức tín dụng và Điều 5 Nghị định số 39/2014/NĐ-CP ngày 07/5/2014 của Chính phủ về hoạt động của công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính. Xét người tham gia Hợp đồng có năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện; mục đích và nội của Hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 122 của Bộ luật Dân sự 2005 và Điều 17 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (Ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước). Về hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 124 của Bộ luật Dân sự 2005. Như vậy, Hợp đồng tín dụng số 20160106-151019-5663 phù hợp với quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực đối với các bên.

[5] Xét việc thực hiện Hợp đồng của các bên: Theo bản Sao kê giải ngân từ tài khoản của bà Phạm Thị H, xác định ngày 12/01/2016 Công ty đã giải ngân cho bà H số tiền 42.200.000đồng. Công ty đã thực hiện đúng thỏa thuận trong Hợp đồng. Theo thỏa thuận của các bên tại mục IV phần B của Hợp đồng, bà H đồng ý trả góp hàng tháng cho Công ty theo phê duyệt của Công ty tại phần E của Hợp đồng với mức tiền 1.909.000đồng và theo lịch trả nợ của Công ty. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn giao nộp chứng cứ là bản Sao kê quá trình trả nợ của bà

H, Bảng lịch trình trả nợ. Qua đó xác định bà H đã trả cho Công ty tổng số tiền là 11.454.000đồng, tính đến ngày 03/8/2016. Trong đó, nợ gốc đã trả là 4.377.488đồng, lãi đã trả là 7.076.512đồng. Về thời hạn vay là 36 tháng tính từ ngày 11/01/2016. Tuy nhiên, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, từ ngày 04/8/2016 bà H không tiếp tục trả nợ cho Công ty theo thỏa thuận trong Hợp đồng. Vì vậy, Công ty được thu hồi nợ trước hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

[6] Xét yêu cầu trả nợ gốc của nguyên đơn: Từ nhận định tại mục [5] thì bà H còn nợ Công ty số tiền nợ gốc là:

42.200.000đồng - 4.377.488đồng = 37.822.512đồng

Căn cứ khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và khoản 2 Điều 6 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, cần chấp nhận yêu cầu đòi nợ gốc của nguyên đơn.

[7] Xét yêu cầu trả nợ lãi của nguyên đơn: Theo điểm 6 mục IV phần B của Hợp đồng, bà H đồng ý với mức lãi suất mà Công ty phê duyệt tại phần E của Hợp đồng là 35%/ năm. Xét mức lãi suất của các bên thỏa thuận phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, khoản 1 Điều 11 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng và Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận. Để chứng minh cho yêu cầu của mình nguyên đơn giao nộp: Bản Sao kê quá trình trả nợ của bà H, Bảng lịch trình trả nợ và Bảng kê tính lãi chi tiết. Xét Bảng kê tính lãi chi tiết phù hợp với Bảng lịch trình trả nợ và bản Sao kê quá trình trả nợ của bà H nên có căn cứ xác định: Tính đến ngày 18/6/2018, bà H còn nợ Công ty số tiền lãi là 18.013.575đồng. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu trả nợ lãi của nguyên đơn theo khoản 2 Điều 6 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

[8] Đối với khoản tiền nợ lãi tính từ ngày 19/6/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 08/10/2018 nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xét.

[9] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Theo Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16/5/2013 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì: "*Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi*

vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay". Hội đồng xét xử xét thấy tính chất, các tình tiết, sự kiện pháp lý trong vụ án này tương tự như các tình tiết, sự kiện pháp lý trong án lệ. Vì vậy cần áp dụng Án lệ 08/2016/AL để xác định nghĩa vụ chậm thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 124, khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự 2005; khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95, Điều 108 của Luật các tổ chức tín dụng, Điều 5 Nghị định số 39/2014/NĐ-CP ngày 07/5/2014 của Chính phủ về hoạt động của công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính; Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16/5/2013 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao,

1. Buộc bà Phạm Thị H phải trả cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng V tổng số tiền là 55.836.087đ (*năm mươi lăm triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn không trăm tám mươi bảy đồng*). Trong đó: Nợ gốc là 37.822.512đ (*ba mươi bảy triệu tám trăm hai mươi hai nghìn năm trăm mười hai đồng*), nợ lãi là 18.013.575đ (*mười tám triệu không trăm mười ba nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Công ty tài chính cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Công ty tài chính cho vay

theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Công ty tài chính cho vay.

2. Về án phí:

- Bà Phạm Thị H phải chịu 2.791.804đ (*hai triệu bảy trăm chín mươi mốt nghìn tám trăm linh bốn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng V số tiền tạm ứng án phí đã nộp : 1.097.000đ (*một triệu không trăm chín mươi bảy nghìn đồng*) theo Biên lai thu số 0016360 ngày 04/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, Hải Phòng.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Hải An;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- TAND TP. Hải Phòng;
- Chi cục THA DS quận Hải An;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Thủy